TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày 28-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Hà
2. Ông Đỗ Xuân Thái

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST- DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019 /QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Mai Thị Th - Sinh năm: 1969
Địa chỉ: Xóm 6, xã Nga Tr, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* * Chị Phan Thị L - Sinh năm: 1988
* Anh Mai Văn Đ - Sinh năm: 1987
Đều cùng địa chỉ: Xóm 3, xã Nga Tr, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Phiên tòa có mặt: chị Th; vắng mặt: anh Đ, chị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Thị Th trình bày: Do quan hệ quen biết người làng xã với nhau, ngày 10/01/2019 (âm lịch) chị L, anh Đ viết giấy nợ tiền cho chị, có điểm chỉ và ký tên của hai vợ chồng vào giấy vay, thỏa thuận thời hạn trả nợ là 03 tháng với số tiền là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng); lãi suất tự thỏa thuận. Thực tế giấy vay này là giấy ký cộng dồn mà chị L, anh Đ vay trước đó của chị, cụ thể như sau: (Lần 1: vào ngày 12/10/2016 chị L vay 100.000.000, hẹn thời gian trả là 05 tháng. Đến ngày 17/10/2017 chị L đã trả được 40.000.000đ, còn nợ 60.000.000đ; lần 2: vào ngày 12/01/2018 âm lịch chị L vay số tiền 70.000.000đ để đảo sổ ngân hàng, thời hạn vay 01 năm; lần 3: vào ngày 12/2/2018 âm lịch chị L hỏi vay 20.000.000đ để đảo sổ ngân hàng; lần 4: vào ngày 17/02/2018 chị L hỏi vay tiếp số tiền 30.000.000đ).

Do chị L, anh Đ không có động thái trả nợ số tiền vay trên, chị đã nhiều lần hỏi nhưng không có kết quả. Nay chị đề nghị Tòa án xem xét buộc vợ chồng chị L, anh Đ

phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay trên cho chị; về lãi suất chị yêu cầu là 0,9%/ tháng, thời gian tính từ ngày 10/01/2019 (âm lịch) cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

* Tại bản tự khai ngày 31/5/2019, đơn đề nghị, biên bản hòa giải, bị đơn chị Phan Thị L và anh Mai Văn Đ đều trình bày: Vào tháng 12/2016, vợ chồng anh chị có vay của chị Th số tiền 90.000.000đ, lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày. Do con ốm đau, kinh tế gặp khó khăn nên vợ chồng lên nhờ chị Th vay tiền, lãi suất 5 phẩy/ngày. Chị Th không đồng ý cho vay mà yêu cầu nhờ người khác đứng vay thì chị đồng ý. Sau đó vợ chồng chị nhờ chú T, thím Ch mỗi người đứng vay hộ 60.000.000đ. Chị Th đã thực hiện trừ lãi tháng. Tháng tiếp theo gia đình khó khăn không thực hiện trả lãi được nên chị Th đã cộng dồn tiền lãi của hai nhà vay thành một, tổng tiền lãi là 90.000.000đ cùng với tiền gốc nợ 90.000.000đ. Đến khoảng 10/01/2019 (âm lịch) vợ chồng chị viết giấy vay tiền cho chị Th, có điểm chỉ và chữ ký của hai vợ chồng. Nhưng thực tế đó là giấy viết cộng dồn từ tiền gốc 90.000.000đ và tiền lãi 90.000.000đ, chị L, anh Đ đề nghị Tòa xem xét giải quyết.

Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án xem xét buộc vợ chồng chị L, anh Đ có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ 180.000.000đ, tiền lãi chị yêu cầu tính 0,9%/tháng, thời gian tính từ ngày 10/01/2019 (âm lịch) cho đến khi vụ án được giải quyết. Đối với ý kiến các bị đơn: đều thừa nhận giấy viết nợ tiền của chị Th là do vợ chồng viết và ký nhận.Tuy nhiên, số tiền gốc vay chỉ có 90.000.000đ, còn tiền lãi là 90.000.000đ. Chị L, anh Đ đề nghị được trả cho chị Th tiền gốc vay là 90.000.000đ, tiền lãi thì để anh chị thu xếp với chị Th; về lãi suất anh chị đề nghị chị Th không tính đối với anh chị nữa.

Ngày 09/8/2019, chị L có nộp cho Tòa án 01 thẻ nhớ. Theo chị L trình bày thẻ nhớ có nội dung ghi âm những cuộc nói chuyện về việc nợ nần giữa chị Th với vợ chồng chị L, anh Đ. Tòa án đã tiến hành niêm phong thẻ nhớ, có chữ ký của chị L, Thẩm phán và thư ký Tòa án và hình con dấu niêm phong của Tòa án.

Ngày 09/9/2019, Tòa án đã tiến hành việc công khai chứng cứ để mở niêm phong thẻ nhớ được chị L giao nộp theo quy định và tiến hành hòa giải lần 3 đối với các đương sự. Tại buổi làm việc chỉ có mặt chị Th; vắng mặt chị L, anh Đ không có lý do. Vì vậy, việc tiến hành mở niêm phong thẻ nhớ do chị L giao nộp và hòa giải là không tiến hành được.

Do các đương sự không thống nhất về việc giải quyết vụ án,Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định; mặc dù chị L, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu chị L, anh Đ có trách nhiệm trả số tiền vay 180.000.000đ; về lãi suất chị yêu cầu là 0,9%/tháng, thời gian tính từ ngày 10/01/2019 (âm lịch), tức là ngày 14/02/2019 (dương lịch) cho đến ngày xét xử. Đối với bị đơn, chị L, anh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan. Căn cứ quy định của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn.

* Về nội dung vụ án:

[1] Xét giấy vay tiền của Nguyên đơn cho các bị đơn vay: Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Giấy vay tiền 180.000.000đ (bản chính viết tay), ngày 10/01/2019 (âm lịch), tức là ngày 14/02/2019 (dương lịch) được xác định là chứng cứ gốc, để xem xét yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Th. Về nội dung trên giấy vay tiền ghi cụ thể số tiền vay, thời hạn thanh toán, có chữ ký, điểm chỉ của chị Phan Thị L và anh Mai Văn Đ. Về lãi suất không thể hiện, do các bên tự thỏa thuận bằng miệng.

Mặt khác, căn cứ vào 04 giấy vay tiền chị Th xuất trình ngày 03/6/2019 với giấy vay tiền ngày 10/01/2019 (âm lịch) trùng khớp về số tiền như yêu cầu khởi kiện của chị Th, nên HĐXX chấp nhận xem xét các giấy vay này trong cùng vụ án.

[2] Xét yêu cầu của các bị đơn: chị Phan Thị L và anh Mai Văn Đ đều thừa nhận chị L là người viết giấy vay tiền ngày 10/01/2019 cho chị Th. Tuy nhiên, các bị đơn chỉ thừa nhận vay số tiền gốc là 90.000.000đ, số tiền 90.000.000đ còn lại là tiền lãi suất cao. Vì vợ chồng chị không thực hiện trả nợ được nên chị Th yêu cầu vợ chồng chị viết giấy vay tiền cộng dồn thành 180.000.000đ. Các bị đơn chỉ đồng ý trả nợ tiền gốc vay cho chị Th là 90.000.000 và đề nghị chị Th không tính lãi đối với số tiền vay trên

Để chứng minh việc cho vay tiền với lãi suất cao của chị Th đối với số tiền 90.000.000đ còn lại, ngày 09/8/2019 chị L đã xuất trình 01 thẻ nhớ và theo chị L trình bày thẻ nhớ có nội dung ghi âm những cuộc nói chuyện về việc nợ nần giữa hai bên. Ngoài ra chị L, anh Đ không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh yêu cầu.Tuy nhiên, qúa trình tiến hành mở niêm phong thẻ nhớ để xác định nội dung cụ thể nhưng chị L và anh Đ vắng mặt không có lý do. Do đó, việc mở niêm phong không tiến hành được nên chưa đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị L, anh Đ để xem xét.

[3] Xét việc vay tiền của các đương sự: Trong quá trình vay tiền các bên đều tự nguyện vay tiền, thanh toán lãi theo thỏa thuận với nhau. Các lần vay tiền hai bên đều viết giấy vay tiền và ký nhận. Tại giấy vay tiền ngày 10/01/2019 (âm lịch) thể hiện số tiền các bị đơn còn nợ nguyên đơn là 180.000.000đ, có chữ ký, điểm chỉ của anh Đ, chị L.

Xét thời điểm vay tiền cũng như các giấy tờ khác thì không có giấy vay nào thể hiện chị L, anh Đ vay chị Th số tiền 90.000.000đ. Về lãi suất, do các bên không thể hiện trên giấy tờ vay, nên quá trình trả lãi cho nhau là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên.

Mặc dù các bị đơn không thừa nhận số tiền gốc vay như chị Th đang yêu cầu và cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu trên. Nhưng các bị đơn đều thừa nhận đã viết giấy vay tiền chị Th 180.000.000đ. Xét số tiền từ 04 giấy vay tiền chị Th xuất trình ngày 03/6/2019 và số tiền trên giấy viết cộng dồn ngày 10/01/2019 (âm lịch) hoàn toàn phù hợp về số tiền vay 180.000.000đ, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định chị Phan Thị L và anh Mai Văn Đ vay chị Mai Thị Th số tiền 180.000.000đ là có căn cứ.

[4] Về lãi suất: Chị Th đề nghị chị L, anh Đ trả lãi suất là 0,9%/tháng, thời hạn tính là từ 10/01/2019 (âm lịch), tức là ngày 14/02/2019 (dương lịch) cho đến ngày xét xử (28/10/2019) là 8 tháng 14 ngày đối với số tiền vay 180.000.000đ.

Xét yêu cầu về mức tính lãi suất đối với số tiền chị L, anh Đ vay chị Th là hoàn toàn phù hợp, HĐXX chấp nhận đề nghị của chị Th buộc chị L, anh Đ phải chịu lãi suất, cụ thể: 180.000.000đ x 8 tháng 14 ngày x 0,9%/ tháng = 13.716.000đ (*Mười ba triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng)*.

* Như vậy, tiền gốc và tiền lãi chị L và anh Đ phải trả cho chị Mai Thị Th là: 180.000.000đ + 13.716.000đ = 193.716.000đ (*Một trăm chín ba triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng*).

[4] Về án phí: Chị Phan Thị L và anh Mai Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị Mai Thị Th không phải chịu án phí DSST nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Th.

Buộc chị Phan Thị L, anh Mai Văn Đ phải trả cho chị Mai Thị Th số tiền nợ gốc 180.000.000đ và tiền lãi 13.716.000đ. Tổng cộng là 193.716.000đ (*Một trăm chín ba triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Chị Phan Thị L, anh Mai Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.685.800đ (*Chín triệu sáu trăm tám lăm nghìn tám trăm đồng*).

Trả lại cho chị Mai Thị Th số tiền tạm ứng án phí DSST là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2017/0005084 ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Th; vắng mặt chị L, anh Đ. Chị Th có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GĐ- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ